

CHỦ ĐỀ: WILDLIFE CONSERVATION (BUỔI 1)

Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 1. Soil erosion can be derived from forest _____ and other human activities.

- A. mammal B. clearance C. spawning D. primate

Question 2. Wildlife _____ plays a crucial role in maintaining the balance of the ecosystems.

- A. nursery B. captivity C. Enclosure D. conservation

Question 3. This rainforest is home to _____ animal species and exotic plants.

- A. marine B. extinct C. rare D. dangerous

Question 4. Scientists could _____ the panther's movements and eating habits by satellite.

- A. monitor B. release C. rescue D. degrade

Question 5. Animals bred in _____ may develop behavioural changes, which can be a hindrance when reintroduced to the wild.

- A. captivity B. primate C. rescue D. threat

Question 6. The presence of sounds from large ships and oil rigs can disrupt the reproduction patterns of many _____ animals.

- A. extinct B. marine C. captive D. obsolete

Question 7. Unless we stop _____ wild animals for their body parts, they will go extinct soon.

- A. rescuing B. releasing C. degrading D. poaching

Question 8. Gorillas and chimpanzees can learn to communicate in _____ quite quickly.

- A. nursery B. sign language C. spawning ground D. forest clearance

Question 9. The cheetah is _____ land animal on Earth.

- A. faster B. fast C. the fastest D. fastest

Question 10. To protect wildlife, raising people's awareness is _____ important as imposing a heavy fine on offenders.

- A. like B. more C. than D. as

Read the following advertisement/ school message and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 11 to 16.

Join Our Wildlife Conservation Team!

Make a difference in nature's future! Join us to protect wildlife habitats and species (11) _____.

- Conduct field surveys to monitor animal populations
- Assist (12) _____ habitat restoration and maintenance
- Educate communities about conservation practices

Be part of (13) _____ solution! Sign up now to volunteer and help preserve our precious ecosystems.

Together, we can make a meaningful impact!

Question 11. A. diversify B. diversity C. diverse D. diversely

Question 12. A. on B. of C. to D. in

Question 13. A. the B. an C. Ø (no article) D. a

Protect Wildlife, Shape Tomorrow!

Dear Students,

Let's protect our planet's biodiversity for a (14) _____ future!

- Respect wildlife habitats and avoid (15) _____ natural environments
- Reduce plastic waste to protect marine life
- Learn about local wildlife and spread awareness about conservation

Your actions today (16) _____ the world of tomorrow. Let's unite to ensure a sustainable and thriving ecosystem for all living beings.

Together, we make a difference!

- Question 14.** A. brightest B. brightly C. more brightly D. brighter
Question 15. A. disturbing B. disturb C. to disturb D. to disturbing
Question 16. A. emphasise B. identify C. determine D. satisfy

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct arrangement of the sentences to make a meaningful paragraph for the following question.

Question 17.

- a. However, habitat loss and poaching threaten their existence.
- b. By enforcing strict laws against poaching and deforestation, we can preserve tiger habitats.
- c. Together, through collective action and dedication, we can ensure a brighter future for these majestic creatures and the ecosystems they inhabit.
- d. Tigers play a vital role in the ecosystem, controlling prey populations.
- e. Furthermore, promoting sustainable practices among local communities helps reduce human-wildlife conflicts.
- f. To address this, governments and conservation organisations must work together.
- g. Last but not least, raising awareness through education campaigns fosters public support for tiger conservation.

- A. d – a – f – b – g – e – c B. d – a – f – b – e – g – c
 C. d – b – a – f – e – g – c D. d – a – f – c – b – e – g

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to choose the word or phrase that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

The IUCN's Red List is a comprehensive database (18) _____ evaluates the conservation status of species worldwide. It classifies species into (19) _____ categories based on their risk of extinction, with "critically endangered" indicating the highest level of threat. The Red List serves as a crucial tool for conservation efforts, providing valuable information about the (20) _____ of various species and the urgency of action needed to protect them.

(21) _____, it plays a pivotal role in guiding conservation strategies and policy-making initiatives across the globe. By highlighting species at risk, the Red List raises awareness about the importance of biodiversity conservation and encourages collaborative efforts to safeguard threatened plants and animals. Its extensive assessments help prioritise conservation actions and allocate resources effectively to (22) _____ the most pressing threats facing our planet's biodiversity.

- Question 18.** A. when B. which C. whom D. whose
Question 19. A. much B. several C. a little D. another
Question 20. A. position B. possibility C. status D. stage
Question 21. A. However B. Yet C. Although D. Therefore
Question 22. A. recover B. survive C. degrade D. address

BẢNG TỪ VỰNG				
STT	Từ vựng	Từ loại	Phiên âm	Nghĩa
1	allocate	v	/'æləkert/	phân bổ, cấp phát
2	assessment	n	/ə'sesmənt/	sự đánh giá, sự thẩm định
3	biodiversity	n	/,baɪəʊdaɪ'vɜ:rsəti/	đa dạng sinh học
4	captive	adj	/'kæptɪv/	bị giam cầm, bị nhốt
5	captivity	n	/kæp'tɪvəti/	trạng bị giam cầm, bị nhốt
6	classify	v	/'klæsɪfaɪ/	phân loại
7	clearance	n	/'klɪər.əns/	sự phá bỏ, sự chặt phá (rừng)
8	comprehensive	adj	/,kəmprɪ'hensɪv/	toàn diện, đầy đủ
9	conservation	n	/,kɒnsə'veɪʃn/	sự bảo tồn

10	dedication	n	/ˌdedɪˈkeɪʃn/	sự cống hiến, tận tâm
11	determine	v	/dɪˈtɜːrmin/	xác định, quyết định
12	disrupt	v	/dɪsˈrʌpt/	làm gián đoạn, phá vỡ
13	diverse	adj	/daɪˈvɜːrs/	đa dạng
14	diversify	v	/daɪˈvɜːrsɪfaɪ/	đa dạng hóa
15	diversity	n	/daɪˈvɜːrsəti/	sự đa dạng
16	emphasise	v	/ˈemfəsaɪz/	nhấn mạnh, đề cao
17	enclosure	n	/ɪnˈkləʊʒər/	hàng rào, khu vực có rào chắn
18	enforce	v	/ɪnˈfɔːrs/	thi hành, thực thi (luật, quy định)
19	erosion	n	/ɪˈrəʊʒn/	sự xói mòn
20	evaluate	v	/ɪˈvæljuet/	đánh giá, thẩm định
21	existence	n	/ɪgˈzɪstəns/	sự tồn tại
22	exotic	adj	/ɪgˈzɒtɪk/	kỳ lạ, ngoại lai (thường từ nước ngoài đến)
23	extensive	adj	/ɪkˈstensɪv/	rộng lớn, bao quát; chuyên sâu
24	extinct	adj	/ɪkˈstɪŋkt/	tuyệt chủng
25	extinction	n	/ɪkˈstɪŋkʃn/	sự tuyệt chủng
26	hindrance	n	/ˈhɪndrəns/	sự cản trở, trở ngại
27	identify	v	/aɪˈdentɪfaɪ/	nhận diện, xác định
28	indicate	v	/ˈɪndɪkeɪt/	chỉ ra, biểu thị
29	inhabit	v	/ɪnˈhæbɪt/	sống ở, cư trú ở
30	initiative	n	/ɪˈnɪʃətɪv/	sáng kiến, chủ động
31	maintenance	n	/ˈmeɪntənəns/	sự duy trì, bảo dưỡng
32	majestic	adj	/məˈdʒestɪk/	hùng vĩ, tráng lệ
33	mammal	n	/ˈmæml/	động vật có vú
34	marine	adj	/məˈriːn/	thuộc về biển, đại dương
35	monitor	v	/ˈmɒnɪtər/	giám sát, theo dõi
36	nursery	n	/ˈnɜːrsəri/	vườn ươm
37	obsolete	adj	/ˌɒbsəˈliːt/	lỗi thời

38	offender	n	/ə'fendər/	người phạm tội, người vi phạm
39	poach	v	/pəʊtʃ/	săn trộm
40	precious	adj	/'preʃəs/	quý giá, quý báu
41	pressing	adj	/'presɪŋ/	cấp bách, khẩn cấp
42	primate	n	/'praɪmeɪt/	động vật linh trưởng
43	prioritise	v	/praɪ'ɒrətaɪz/	ưu tiên
44	recover	v	/rɪ'kʌvər/	phục hồi, hồi phục
45	reproduction	n	/,rɪ:prə'dʌkʃn/	sự sinh sản
46	restoration	n	/,restə'reɪʃn/	sự phục hồi, khôi phục
47	satellite	n	/'sætəlait/	vệ tinh
48	satisfy	v	/'sætɪsfaɪ/	làm hài lòng, thỏa mãn; đáp ứng
49	spawn	v	/spɔ:n/	đẻ trứng
50	spawning ground	n	/'spɔ:nɪŋ graʊnd/	bãi đẻ trứng
51	thriving	adj	/'θraɪvɪŋ/	phát triển mạnh, thịnh vượng
52	unite	v	/ju'naɪt/	đoàn kết, hợp nhất
53	urgency	n	/'ɜ:rdʒənsɪ/	sự khẩn cấp

BẢNG CẤU TRÚC

STT	Cấu trúc	Nghĩa
1	assist in something	hỗ trợ, giúp đỡ trong việc gì đó
2	be derived from	được bắt nguồn/phát triển từ
3	collaborative efforts	những nỗ lực hợp tác
4	impose a fine on	áp đặt tiền phạt lên
5	make a difference	tạo ra sự khác biệt, thay đổi tích cực
6	make a meaningful impact	tạo ra tác động có ý nghĩa
7	play a vital role in	đóng vai trò quan trọng trong
8	raise awareness about	nâng cao nhận thức về